

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình (mới) năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 15/01/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; Thông tư số 002/2025/TT-BNV ngày 04/04/2025 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định 178/2024/NĐ-CP;

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 1814/BNV-TCBC ngày 26/4/2025, số 2034/BNV-TCBC ngày 05/05/2025, số 4177/BNV-TCBC ngày 23/6/2025 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 37/UBND-VP7 ngày 16/7/2025 về việc triển khai thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi thống nhất với Sở Tài chính tại Văn bản số 281/STC-NS ngày 17/7/2025 và Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình tại Văn bản số 8/BHXXH-CĐBHXXH ngày 18/7/2025, Sở Nội vụ hướng dẫn một số nội dung về chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Ninh Bình theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội và Nhân dân trong quá trình thực hiện chính sách, chế độ;

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp được thực hiện theo đúng quy định;

4. Bảo đảm chi trả chính sách, chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước;

5. Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

6. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý để cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả;

7. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bao gồm:

a) Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức (sau đây viết tắt là người lao động).

d) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, có nguyện vọng nghỉ việc để tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 còn đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Lưu ý: Về xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được Bộ Nội vụ hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 mục II Công văn số 1814/BNV-TCBC ngày 26/4/2025. Trong đó:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW thì căn cứ Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch (hoặc Đề án tinh giản biên chế) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đã được ban hành, thực trạng số

lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cùng với lãnh đạo cấp ủy, chính quyền thực hiện việc đánh giá, sàng lọc đưa ra khỏi cơ quan, tổ chức, đơn vị những người không đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để làm căn cứ xác định đối tượng hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

5. Các trường hợp chưa xem xét nghỉ việc

5.1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

5.2. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHỈ VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP

1. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi do sắp xếp tổ chức bộ máy: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

2. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi do tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 7a Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

3. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm: Thực hiện theo quy định tại Điều 7b Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

4. Chính sách nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức và người làm việc tại các hội quy định tại điểm a, điểm b, điểm g khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Nghị định 178/2024/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

5. Chính sách nghỉ thôi việc đối với viên chức và người lao động quy định tại điểm a, điểm c và điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định 178/2024/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Trình tự, thủ tục

1.1. Bước 1: Căn cứ quy định tại Điều 6 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp tổ

chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và giải quyết chính sách, chế độ; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá đối với CBCCVC và người lao động thuộc phạm vi quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tiễn của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý đảm bảo khoa học, công bằng, khách quan, hợp lý và nhân văn. *(có Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá và biên bản họp đánh giá toàn thể CBCCVC của cơ quan, đơn vị).*

1.2. Bước 2: Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các phường, xã xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động *(có Biên bản họp xét đối tượng nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP)*; lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính) xem xét, quyết định.

1.3. Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định danh sách đối tượng nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính được hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính thẩm định về kinh phí và gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình cho ý kiến về tuổi nghỉ hưu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội của đối tượng.

Riêng đối với trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì Sở Nội vụ tổng hợp danh sách, hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, quyết định. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí và thực hiện các bước theo quy định.

1.4. Bước 4: Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với đối tượng theo đề nghị của Sở Nội vụ và của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã. Sau khi thẩm định kinh phí, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

1.5. Bước 5: Sở Nội vụ tổng hợp chung, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng theo quy định sau khi có ý kiến thẩm định kinh phí của Sở Tài chính và ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình.

1.6. Bước 6: Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt thì Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND phường, xã ban hành Quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo phân cấp; gửi Sở Tài chính, Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

1.7. Bước 7: Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và quyết định nghỉ việc của từng đối tượng, Sở Tài chính tham mưu cho cấp có thẩm quyền về việc giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách theo quy định.

1.8. Bước 8: Trên cơ sở kinh phí được giao, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời chi trả kinh phí thực hiện chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách đối với đối tượng

2.1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó phân tích rõ đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn hay tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng CBCCVC và lý do đề nghị thực hiện chính sách nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với từng đối tượng.

2.2. Danh sách và dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Phụ lục số I, II kèm theo Hướng dẫn này.

2.3. Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá CBCCVC và người lao động theo Điều 6 Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Biên bản kết quả đánh giá CBCCVC và người lao động của cơ quan, đơn vị (có xếp theo thứ tự đánh giá).

2.3. Biên bản họp xét đối tượng nghỉ việc và hưởng chính sách của cơ quan, đơn vị, địa phương (trong đó nêu rõ các nội dung: việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương; đối tượng tự nguyện nghỉ hoặc đối tượng phải nghỉ việc; lý do đồng ý cho nghỉ việc thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với từng đối tượng; ý kiến của các thành phần tham gia dự họp; kết quả cuộc họp). Mẫu Biên bản tại Phụ lục số III kèm theo Hướng dẫn này.

2.4. Hồ sơ của từng cá nhân đề nghị nghỉ việc hưởng chính sách, chế độ (kèm theo Phiếu thống kê danh mục hồ sơ):

a) Đơn đề nghị nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc của cá nhân theo Phụ lục số IV kèm theo Hướng dẫn này;

b) Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội trong thời hạn 03 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc;

c) Bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động trước ngày 15/01/2019.

đ) Bản sao các quyết định lương và lương hiện hưởng (đối với cán bộ, công chức, viên chức); các quyết định lương hoặc minh chứng về mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động (đối với người lao động).

e) Bản sao các minh chứng về các khoản phụ cấp lương hiện hưởng (nếu có), gồm: phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên

nghề, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề, phụ cấp công vụ, phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội) và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

g) Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính của cấp có thẩm quyền.

h) Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan.

2.5. Số lượng hồ sơ

Hồ sơ cá nhân của từng đối tượng nghỉ việc được đựng trong phong bì hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định. Hồ sơ được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Nội vụ và 01 bộ gửi Sở Tài chính.

Riêng đối với hồ sơ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì lập 03 bộ hồ sơ (02 bộ gửi Sở Nội vụ và 01 bộ gửi Sở Tài chính).

3. Thời hạn gửi hồ sơ

- Định kỳ hàng tháng (trước ngày 05 hàng tháng), các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập Tờ trình, danh sách và dự kiến kinh phí thực hiện chính sách đối với các trường hợp nghỉ trong tháng sau liền kề, gửi về Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND phê duyệt theo quy định.

- Riêng tháng 7/2025, các cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ trước ngày 20/7/2025. Các cơ quan, đơn vị đã có Tờ trình và hồ sơ gửi Sở Nội vụ trước ngày ban hành Hướng dẫn này thì đề nghị hoàn thiện hồ sơ và gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục tại Hướng dẫn này.

- Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ quá thời hạn nêu trên hoặc hồ sơ không đầy đủ thành phần nội dung, thì Sở Nội vụ, Sở Tài chính không tiếp nhận hồ sơ và cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tự chịu trách nhiệm với đối tượng theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các phường, xã, các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ

1.1. Tổ chức triển khai, tuyên truyền phổ biến tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị được biết để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

1.2. Căn cứ các tiêu chí đánh giá CBCCVC và người lao động tại Điều 6 Nghị định số 178/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá CBCCVC và người lao động thuộc phạm vi quản lý; tiến hành thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý và xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc của CBCCVC và người lao động; trên cơ sở đó, xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ

cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính) xem xét, phê duyệt.

1.3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; đồng thời rà soát, sắp xếp gắn cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động liên thông, liên tục, thống nhất, không gián đoạn, hiệu lực và hiệu quả.

1.4. Khi giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng nghỉ việc và áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 7a, 7b, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP không đúng quy định, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, Chủ tịch các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm:

a) Thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan dừng thanh toán các chế độ cho đối tượng thực hiện không đúng quy định;

b) Chịu trách nhiệm thu hồi tiền hưởng các chế độ, chính sách đã cấp cho đối tượng đó;

c) Xem xét xử lý trách nhiệm các cá nhân có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về việc thực hiện không đúng quy định về giải quyết chế độ, chính sách.

1.5. Ban hành Quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc) đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo phân cấp sau khi có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và thực hiện chi trả kịp thời chế độ, chính sách cho CBCCVC theo đúng quy định pháp luật.

2. Sở Nội vụ

2.1. Thẩm định danh sách đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã, gửi Sở Tài chính và Bảo hiểm xã hội tỉnh theo quy định.

2.2. Tổng hợp chung, trình UBND tỉnh quyết định đối tượng phải nghỉ việc, kinh phí thực hiện theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sau khi có ý kiến thẩm định kinh phí của Sở Tài chính và ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh.

3. Đề nghị Sở Tài chính

3.1. Thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đối với đối tượng theo đề nghị của Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh,

UBND các phường, xã. Sau khi thẩm định kinh phí, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

3.2. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết định kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

3.3. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành.

4. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình

4.1. Phối hợp với Sở Nội vụ cho ý kiến về tuổi nghỉ hưu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đối tượng theo quy định.

4.2. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã cung cấp bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để hoàn thiện hồ sơ nghỉ việc theo quy định.

4.3. Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với đối tượng theo quy định của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP

5. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: căn cứ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị quyết định mức chi chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý nhưng không thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là Hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Ninh Bình theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Tổ chức bộ máy, số điện thoại 0907.200.886) và Sở Tài chính (phòng Ngân sách, phòng Hành chính sự nghiệp) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (để báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (để báo cáo)
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; (để phối hợp)
- BHXH tỉnh Ninh Bình; (để phối hợp thực hiện)
- Sở, ban, ngành, ĐCSNCL thuộc UBND tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Các tổ chức Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ;
- Lưu: VT, XDCQ, TCBM (HTC01b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Bình

